

Số: /BC-CSĐP

Bình Phước, ngày 10 tháng 02 năm 2010

**BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
THÁNG 01 NĂM 2010**

STT	Chỉ Tiêu	ĐVT	Kế Hoạch Năm	Thực Hiện Tháng 01	Tỉ Lệ %
I	GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG HÀNG HÓA	1000đ	655.422.960	83.418.019	12,7
	- Giá trị sản lượng hàng hóa cao su	1000đ	629.172.960	82.221.919	13,1
	- Giá trị sản lượng hàng hóa khác		26.250.000	1.196.100	4,6
II	DIỆN TÍCH- NĂNG SUẤT- SẢN LƯỢNG				
1	Diện tích cao su khai thác	ha	7.245,33	7.245,33	100,0
	Trong đó, diện tích cạo mới	ha			
2	Năng suất	tấn/ha	2,21	0,15	7,0
3	Sản lượng cao su	tấn	16.000	1.119,19	7,0
3.1	Tồn kho đầu năm	tấn	1.051,88	1.051,88	100,0
3.2	Chế biến trong kỳ	tấn	18.500	1.678,80	9,1
	- Cao su khai thác	"	16.000	1.554,51	9,7
	- Cao su thu mua	"	2.500	124,29	5,0
3.3	Tiêu thụ trong kỳ	tấn	18.500	1.666,79	9,0
	- Xuất khẩu trực tiếp	"	8.017	569,52	7,1
	- Ủy thác xuất khẩu	"	1.800	101,86	5,7
	- Nội tiêu	"	8.683	995,41	11,5
3.4	Tồn kho cuối kỳ	tấn	1.051,88	1.063,89	101,1
4	Kim ngạch XK trực tiếp và ủy thác XK	USD	18.459.162	1.829.396,45	9,9
	Trong đó, kim ngạch xuất khẩu trực tiếp	USD	15.086.189	1.550.415,47	10,3
III	KHỐI LƯỢNG XDCB TỰ LÀM				
1	Chăm sóc cao su KTCB				
	- Diện tích	ha	2.533,9	2.533,9	100,0
	- Giá trị	1000đ	15.063.700	1.506.370	10,0
2	Tái canh - trồng mới				
	- Diện tích	ha	304,14		
	- Giá trị	1000đ	5.352.121		
IV	HOẠT ĐỘNG SXKD				
1	Giá thành tiêu thụ bình quân				
1.1	Mủ cao su tự khai thác				
1.1.1	Giá thành tiêu thụ bình quân	đ/tấn	23.043.589	30.000.000	130,2
1.1.2	Tổng giá thành tiêu thụ	1000đ	368.697.424	46.275.000	12,6
1.2	Mủ cao su thu mua				
1.2.1	Giá thành tiêu thụ bình quân	đ/tấn	33.582.818	52.977.504	157,8
1.2.2	Tổng giá thành tiêu thụ	1000đ	83.957.045	6.584.574	7,8
2	Tổng giá thành tiêu thụ (1.1.2 + 1.2.2)	1000đ	452.654.469	52.859.574	11,7
3	Giá bán				
3.1	Giá bán nội tiêu	đ/tấn	33.383.582	49.628.577	148,7
3.2	Giá bán xuất khẩu và ủy thác xuất khẩu	đ/tấn	34.786.034	48.886.085	140,5
3.2	Giá bán bình quân	đ/tấn	34.010.810	49.329.501	145,0
	Trong đó, giá bán cao su thu mua	đ/tấn	34.000.000	53.000.000	155,9
4	Tổng doanh thu	1000đ	667.422.960	83.418.019	12,5
4.1	Sản xuất kinh doanh cao su	"	629.172.960	82.221.919	13,1
	- Cao su tự khai thác	"	544.172.960	75.634.549	13,9
	- Cao su thu mua	"	85.000.000	6.587.370	7,7
	- Mủ cao su khác	"	7.500.000		

4.2	Hoạt động tài chính	"	12.000.000		
4.3	Từ cây cao su	"	26.250.000	1.196.100	4,6
4.3	Hoạt động khác	"			
5	Tổng lợi nhuận	1000đ	200.490.441	31.014.651	15,5
5.1	Sản xuất kinh doanh	"	176.518.491	29.818.551	16,9
	- Lợi nhuận mủ cao su tự khai thác	"	175.475.536	29.815.755	17,0
	- Lợi nhuận mủ cao su thu mua	"	1.042.955	2.796	0,3
	- Mủ cao su khác	"	7.500.000		
5.2	Hoạt động tài chính	1000đ	9.000.000		
5.3	Bán cây cao su	1000đ	14.971.950	1.196.100	8,0
5.4	Hoạt động khác	1000đ			
V	CÁC KHOẢN NỢ NGÂN SÁCH		34.275.059	3.350.000	9,8
1	Các loại thuế (môn bài, GTGT, NK, thuế đất)	1000đ	14.388.275		0,0
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1000đ	16.611.784	2.900.000	17,5
3	Tiền thuế đất	1000đ	3.275.000	450.000	13,7
VI	LAO ĐỘNG -TIỀN LƯƠNG				
1	Lao động bình quân trong danh sách	người	4.050	3.943	97,4
2	Tổng quỹ lương	1000đ	246.660.301	11.990.917	4,9
3	Tiền lương bình quân của CBCNV	đồng	5.075.315	3.041.064	59,9
VII	ĐẦU TƯ XDCB TRONG VÀ NGOÀI NGÀNH		339.787.993	17.006.370	5,0
1	Vốn đầu tư XDCB trong năm	1000đ	70.470.405	3.006.370	4,3
1.1	Thiết bị	1000đ	11.385.000		
1.2	Xây lắp + KTCB khác	1000đ	39.085.405	1.506.370	3,9
	Trong đó, xây lắp NN Cty	"	20.415.820	1.506.370	7,4
	+ Công trình xây lắp	"	18.353.947		
	- Công trình kiến trúc phục vụ sản xuất	"	7.351.394		
	- Công trình giao thông	"	11.002.553		
1.3	ĐA hệ thống xử lý nước thải Thuận Phú	"	20.000.000	1.500.000	7,5
2	Trả nợ gốc vay tín dụng dài hạn	1000đ			
3	Trả lãi vay ngân hàng	1000đ	2.472.000		
4	Góp vốn đầu tư các Dự án	"	266.845.588	14.000.000	5,2
	- Cty cao su Đồng Phú - Kratie	"	85.000.000		
	- Cty cao su Đồng Phú-ĐăkNông	"	18.845.588	14.000.000	74,3
	- Cty hạ tầng KCN Bắc Đồng Phú	"	10.200.000		
	- Cty CP cao su Sa Thầy	"	2.800.000		
	- Cty CP cao su KT Đồng Phú (tặng vốn điều lệ)	"	20.000.000		
	- DA cao su tại Senoul - Campuchia (10000 ha)	"	130.000.000		

PHÒNG KẾ HOẠCH

Đã ký
Phạm Phi Điều

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đã ký
Nguyễn Thanh Hải

Nơi nhận :

- Ban KHĐT- Tập Đoàn
- Ban Giám Đốc Công ty
- Các Phòng ban Công ty